

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **307/2020/HS-ST**
Ngày: 30-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 313/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phan Hồng P** (tên gọi khác Phan Đức Nhân), sinh năm: 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Dân phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn H, sinh năm: 1932 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 06/10/1998, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2000, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm năm 2007. Phần bồi thường dân sự do không có đơn yêu cầu thi hành án đến nay đã hết thời hiệu thi hành án.

+ Ngày 19/3/2002, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 21 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2003, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm

và án phí dân sự sơ thẩm năm 2007. Phần bồi thường dân sự do không có đơn yêu cầu thi hành án đến nay đã hết thời hiệu thi hành án.

+ Ngày 21/9/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2006/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/6/2008. Theo Thông báo số 556/TB-CCTHA ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T xác nhận không có thông tin, tài liệu phản ánh nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo P.

+ Ngày 27/10/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2008/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/8/2010, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm tháng 7/2009.

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2020 đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 51/15, khu 2, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 27/05/2020, do không có tiền tiêu xài nên Phan Hồng P (tên gọi khác là Phan Đức N), nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm cắp. Thực hiện ý định trên, P đi bộ trên nhiều tuyến đường thuộc phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang quán cơm tấm số 09, địa chỉ số 243 đường Huỳnh Văn L, Khu 5, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương, P thấy trước cửa quán có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ - đen, biển số 61B1- 264.14 của bà Nguyễn Thị Đ, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Quan sát xung quanh thấy vắng người nên P lại gần chiếc xe rồi dùng tay đẩy chiếc xe ra đường, sau đó lên xe nổ máy chạy đi. Sau khi lấy trộm được chiếc xe, P chạy đến một tiệm sửa xe trên đường Trần Văn A thuộc phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương do ông Phan Thành T làm chủ để kêu bán chiếc xe. Ông T thấy xe không có giấy tờ nên không đồng ý mua. Lúc này, ông Trịnh Hữu Q (là dân phòng) đi ngang qua nghe thấy sự việc, nghi ngờ P trộm cắp tài sản của người khác nên ông Q truy hô “Cướp, cướp” thì P bỏ chạy. Thấy vậy, ông T và ông Q chạy theo bắt giữ P và bàn giao cho Công an phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương xử lý. Tại Công an phường H, P thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên của bà Đ. Cùng ngày 27/5/2020, Công an phường H bàn giao hồ sơ, đối tượng P và vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố M giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 100/KLTS-TTHS ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố M, xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ - đen, biển số 61B1-264.14 trị giá: 8.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố M giao trả chiếc xe trên cho bà Đ theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 110.

Tại Bản Cáo trạng số 318/CT-VKS-HS ngày 16/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo Phan Hồng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra vụ án, bị hại đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Hồng P mức án từ 01 năm, 03 tháng đến 01 năm, sáu tháng tù.

Về vật chứng: Đã được cơ quan điều tra xử lý xong nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị cáo trình bày ý kiến: Thống nhất Bản cáo trạng và Bản luận tội của Viện kiểm sát, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thực hiện là hợp pháp.

[2] Về họ tên của bị cáo Phan Hồng P: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay trong danh bản số 269 mang tên Phan Hồng P do Công an thành phố M lập ngày 08/6/2020 với các Danh bản số 3076 do Công an Hà Tĩnh lập ngày 23/7/1998, Danh bản số 4735 do Công an Hà Tĩnh lập ngày 10/01/2002, Danh bản số 380 do Công an Hà Tĩnh lập ngày 07/10/2006, Danh bản số 299 do Công an Hà Tĩnh lập ngày 13/8/2008 mang tên Phan Đức N, kết quả giám định: Dấu vân tay ngón trỏ mang tên Phan Hồng P và Phan Đức N do cùng một người in ra. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Phan Hồng P và bị cáo Phan Đức N trong 04 bản án trước đây Tòa án nhân dân thị xã T đã xét xử là một.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo Phan Hồng P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61B1- 264.14 trị giá 8.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ mà bị cáo Phan Hồng P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo đã từng 03 lần bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, 01 lần bị xử phạt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải, cố gắng lao động để trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, do bản tính tham lam, lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục, đồng thời ngăn ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mặc dù bị cáo không có nhưng bản thân bị cáo có nhân thân xấu do trước đó đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối chiếu các tình tiết về nhân thân, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giá trị tài sản bị cáo trộm cắp, xét thấy mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra ra quyết định trả lại chiếc mô tô hiệu Honda Vision biển số 61B1- 264.14 cho người bị hại là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 136, 260 và Điều

333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phan Hồng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Hồng P 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 28/5/2020.

2. Về vật chứng: Đã được giải quyết xong.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Tòa không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Hồng P nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. M;
- CQCSĐT- CATP.M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.M;
- Nhà tạm giữ - CATP.M;
- Người TGTT;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình